

Nam Từ Liêm, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Số:169/2017/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mai Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Ngọc Chiến – Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin quận Nam Từ Liêm.

2. Bà Trần Thị Oanh – Cán bộ hưu trí Nguyên Hiệu trưởng trường THCS Tây Mỗ.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:134/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh 1978

HKTT: TDP số 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 21, ngõ 101, TDP số 3 phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm,

thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh 1979.

HKTT: TDP số 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Nơi ở: Số 19, TDP số 6 phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T cùng thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T, chị T có 2 con chung là Nguyễn Văn Định, sinh ngày 21/8/1998 và Nguyễn Văn Phan, sinh ngày 16/5/2000. Sau ly hôn anh chị cùng thống nhất thỏa thuận giao cháu Phan cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Định đã trưởng thành việc ở với ai là do cháu quyết định. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận.

Chị T có quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh đã nộp dự phí tại biên lai số 0006958 ngày 13/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Nay chuyển sang thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- VKSND q Nam Từ Liêm;
- UBND p. Phú Đô, q. Nam Từ Liêm, HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh 1979.

HKTT: TDP số 3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 19, TDP số 6 phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T cùng thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T, chị T có 2 con chung là Nguyễn Văn Định, sinh ngày 21/8/1998 và Nguyễn Văn Phan, sinh ngày 16/5/2000. Sau ly hôn anh chị cùng thống nhất thỏa thuận giao cháu Phan cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Định đã trưởng thành việc ở với ai là do cháu quyết định. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận.

Chị T có quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh đã nộp dự phí tại biên lai số 0006958 ngày 13/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Nay chuyển sang thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA